

Phụ lục

(Kèm theo Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016
của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)

Số TT	NỘI DUNG	ĐỊNH MỨC CHI			
		Đơn vị tính	Thành phố	Quận, huyện	Phường, xã, thị trấn
1	Chi hoạt động giám sát, khảo sát, thẩm tra và chất vấn				
	Chi hoạt động giám sát, khảo sát và thẩm tra				
a)	- Xây dựng kế hoạch (gồm đề cương giám sát hoặc phụ lục kèm theo kế hoạch.	đồng/bộ văn bản	700.000	500.000	350.000
	- Xây dựng báo cáo kết quả giám sát, khảo sát hoặc thông báo kết luận của Đoàn giám sát; báo cáo thẩm tra.	Đồng/ văn bản	700.000	500.000	350.000
	- Người chủ trì hoặc Trưởng đoàn.	Đồng/người/ buổi	300.000	200.000	150.000
	- Thành viên tham dự hoặc thành viên đoàn.	Đồng/người/ buổi	150.000	100.000	80.000
	- Cán bộ, công chức, người lao động phục vụ.	đồng/người/ buổi	100.000	70.000	50.000
b)	Chi đối với chuyên gia đóng góp hoạt động của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND (bằng văn bản).	đồng/ văn bản	3.000.000	1.500.000	900.000
c)	Chi đi xác minh thu thập thông tin trước khảo sát hoặc giám sát,... (ngoài công tác phí).	Đồng/người/ buổi	100.000	50.000	50.000

d)	Chi xây dựng các văn bản phục vụ hoạt động chất vấn tại kỳ họp HĐND: Công văn trước và sau kỳ họp, phiếu gửi đại biểu, định hướng nhóm vấn đề tập trung, các báo cáo, kế hoạch chi tiết, biên bản, tập hợp các nội dung chất vấn, nghị quyết chất vấn,...	đồng/bộ văn bản	2.000.000	1.500.000	1.000.000
2	Chi các cuộc hội nghị, cuộc họp của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND				
	- Người chủ trì cuộc họp.	đồng/người /buổi	200.000	150.000	100.000
	- Thành viên dự họp.	đồng/người /buổi	150.000	100.000	80.000
	- Cán bộ, công chức, người lao động phục vụ.	đồng/người /buổi	100.000	70.000	50.000
	- Tiền ăn giữa giờ.	Đồng/người /buổi	25.000	20.000	15.000
3	Chi các hội nghị, cuộc họp của Tổ đại biểu HĐND; chi tại Kỳ họp HĐND; khoản hỗ trợ xây dựng Nghị quyết HĐND; chi rà soát hoàn thiện văn bản kỳ họp HĐND; chi xây dựng văn bản của Đảng đoàn; chi báo cáo tham luận hoặc bài phát biểu của Thường trực, các Ban của HĐND dự các Hội nghị trong và ngoài thành phố				
a)	Chi các hội nghị, cuộc họp của Tổ đại biểu HĐND				
	- Người chủ trì.	đồng/người /buổi	200.000	150.000	100.000
	- Thành viên tham dự.	đồng/người /buổi	150.000	100.000	80.000
	- Cán bộ, công chức, người lao động phục vụ.	đồng/người /buổi	100.000	70.000	50.000
b)	Chi phục vụ các hoạt động tại Kỳ họp HĐND				
	- Chủ tọa kỳ họp.	đồng/người /buổi	500.000	350.000	250.000

	- Thư ký kỳ họp.	đồng/người /buổi	250.000	200.000	150.000
	- Đại biểu HĐND.	đồng/người /buổi	200.000	150.000	100.000
	- Khách mời.	đồng/người /buổi	150.000	100.000	80.000
	- Chi báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận của từng Tổ đại biểu HĐND tại kỳ họp HĐND.	đồng/ báo cáo	300.000	200.000	150.000
	- Báo cáo tổng hợp ý kiến thảo luận của tất cả các Tổ đại biểu trình bày tại kỳ họp HĐND.	đồng/ báo cáo	1.000.000	700.000	500.000
	- Cán bộ, công chức, người lao động phục vụ kỳ họp.	đồng/người /buổi	150.000	100.000	80.000
	- Tiền ăn giữa giờ.	đồng/người /buổi	25.000	20.000	15.000
c)	Khoản hỗ trợ xây dựng Nghị quyết HĐND				
	- Thường trực HĐND, đại biểu HĐND chuyên trách.	đồng/người /năm	8.000.000	Tùy theo tình hình thực tế của địa phương nhưng không vượt quá 70% mức chi của thành phố	
	- Lãnh đạo Văn phòng HĐND và lãnh đạo các Phòng thuộc Văn phòng HĐND tham gia xây dựng Nghị quyết HĐND.	đồng/người /năm	6.000.000		
	- Chuyên viên Văn phòng HĐND trực tiếp tham gia xây dựng Nghị quyết HĐND.	đồng/người /năm	5.000.000		
d)	Chi rà soát hoàn thiện văn bản kỳ họp HĐND.	đồng/ văn bản	300.000	200.000	150.000
đ)	Chi xây dựng chương trình (hoặc kế hoạch), báo cáo của Đảng đoàn	đồng/ văn bản	700.000		

	hàng năm.				
e)	Chi báo cáo tham luận, bài phát biểu của Thường trực, các Ban của HĐND dự Hội nghị trong và ngoài thành phố.	đồng/ văn bản	500.000		
4	Chi hoạt động tiếp xúc cử tri, giải quyết ý kiến, kiến nghị của cử tri và tiếp công dân				
a)	Chi hỗ trợ nơi tổ chức tiếp xúc cử tri. Trường hợp tổ chức tiếp xúc cử tri kết hợp HĐND các cấp thì chỉ chi 01 mức ở cấp cao nhất.	đồng/điểm	1.000.000	700.000	500.000
b)	Chi cho cá nhân tiếp xúc cử tri				
	- Thành viên chính thức.	đồng/người /buổi	150.000	100.000	50.000
	- Cán bộ, công chức, người lao động phục vụ.	đồng/người /buổi	100.000	70.000	50.000
c)	Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri; báo cáo kết quả giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri.				
	- Tổ đại biểu tổng hợp báo cáo ý kiến, kiến nghị của cử tri.	đồng/ báo cáo	300.000	200.000	150.000
	- Báo cáo tổng hợp chung trình HĐND.	đồng/ báo cáo	1.000.000	700.000	500.000
d)	Chi cho cá nhân tiếp công dân				
	- Đại biểu HĐND, đại diện lãnh đạo cơ quan liên quan được phân công.	đồng/người /buổi	150.000	100.000	80.000
	- Cán bộ, công chức phục vụ.	đồng/người /buổi	100.000	70.000	50.000
	- Chi xây dựng báo cáo giải quyết khiếu nại, tố cáo.	đồng/ báo cáo	700.000	500.000	350.000
5	Chi công tác phí cho đại biểu HĐND, cán bộ, công chức, viên chức, người				

	lao động tham gia đoàn công tác của HĐND			
a)	Đại biểu HĐND, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hưởng lương từ ngân sách nhà nước khi tham gia đoàn công tác của HĐND được thanh toán công tác phí tại cơ quan, tổ chức nơi làm việc theo quy định.			
b)	Đại biểu HĐND không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, được thanh toán công tác phí theo quy định (thanh toán tại Thường trực HĐND cùng cấp).			
6	Chi lấy ý kiến đóng góp văn bản quy phạm pháp luật của địa phương do Thường trực HĐND thành phố chủ trì			
a)	- Báo cáo viên.	đồng/người /buổi	500.000	
	- Người chủ trì cuộc họp.	đồng/người /buổi	200.000	
	- Đại biểu dự họp.	đồng/người/ buổi	150.000	
	- Cán bộ, công chức, người lao động phục vụ.	đồng/người /buổi	100.000	
	- Viết bài tham luận, góp ý kiến bằng văn bản.	đồng/bài	200.000	
	- Chi xây dựng báo cáo tổng hợp ý kiến đóng góp dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.	đồng/ báo cáo	700.000	
b)	- Xây dựng kế hoạch, nội dung lấy ý kiến, đề dẫn điều hành, báo cáo phân tích tổng hợp các ý kiến đóng góp,...	đồng/bộ báo cáo hoàn thành	1.500.000	
	- Chi bồi dưỡng cá nhân góp ý vào Phiếu lấy ý kiến.	đồng/phiếu	30.000	
7	Chi xây dựng văn bản theo yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ban Công tác đại biểu, cơ quan Trung	đồng/ văn bản	700.000	

	ương				
8	Chi tổng kết nhiệm kỳ, chi xây dựng nội dung thông tin tuyên truyền hoạt động của HĐND thành phố; quận, huyện; phường, xã, thị trấn, giao Thường trực HĐND cùng cấp quyết định				
9	Chi mua báo chí, thông tin, phương tiện làm việc cho đại biểu HĐND				
	<p>- Đại biểu HĐND thành phố được cấp 01 tờ báo (theo yêu cầu), do Văn phòng HĐND cung cấp. Giao HĐND quận, huyện, HĐND phường, xã, thị trấn quyết định theo khả năng kinh phí của ngân sách cấp mình.</p> <p>- Mỗi nhiệm kỳ HĐND, đại biểu HĐND thành phố, thư ký kỳ họp, Tổ phục vụ kỳ họp HĐND thành phố được trang bị 01 thiết bị công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của HĐND. Mức chi do Thường trực HĐND thành phố quyết định.</p> <p>- HĐND quận, huyện; phường, xã, thị trấn quyết định việc trang bị thiết bị công nghệ thông tin (theo Nghị quyết 1206/2016/NQ-UBTVQH13, ngày 13 tháng 5 năm 2016) cho đại biểu HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND để đảm bảo hoạt động theo khả năng kinh phí của ngân sách cấp mình. Mức chi do Thường trực HĐND cùng cấp quyết định.</p>				
10	Chi hỗ trợ may lễ phục				
a)	Mỗi nhiệm kỳ HĐND, đại biểu HĐND được cấp tiền may 02 bộ lễ phục.	đồng/người /bộ	8.000.000	HĐND quyết định mức chi cụ thể nhưng không vượt quá 80% mức chi của thành phố	HĐND quyết định mức chi cụ thể nhưng không vượt quá 50% mức chi của thành phố
b)	Mỗi nhiệm kỳ HĐND, công chức, người lao động của Văn phòng HĐND trực tiếp phục vụ các hoạt động của HĐND được cấp tiền may 02 bộ lễ phục.	đồng/người /bộ	5.000.000	HĐND quyết định mức chi cụ thể cho cán bộ, công chức, người lao động của Văn phòng HĐND, UBND trực tiếp phục vụ các hoạt	HĐND quyết định mức chi cụ thể cho cán bộ, công chức được phân công trực tiếp phục vụ các hoạt động của HĐND nhưng không

				động của HĐND nhưng không vượt quá 70% mức chi của thành phố	vượt quá 50% mức chi của thành phố
11	Khoản chi phục vụ hoạt động của HĐND				
	- Thường trực HĐND, đại biểu HĐND chuyên trách.	đồng/người /tháng	2.500.000	Tùy theo tình hình thực tế của địa phương nhưng không vượt quá 70% mức chi của thành phố	
	- Lãnh đạo Văn phòng HĐND.	đồng/người /tháng	1.500.000		
	- Lãnh đạo Phòng và Chuyên viên Văn phòng HĐND.	đồng/người /tháng	1.000.000		
	- Người lao động và nhân viên Văn phòng HĐND.	đồng/người /tháng	700.000		
12	Chi khác				
a)	Đại biểu HĐND không hưởng lương, phụ cấp, trợ cấp từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ kinh phí khám, chăm sóc sức khỏe.	đồng/người /năm	2.000.000	1.500.000	1.000.000
b)	- Đại biểu HĐND khi bị ốm đau.	đồng/người /lần	1.000.000	700.000	500.000
	- Trường hợp Đại biểu HĐND bị bệnh hiểm nghèo.	đồng/người /lần	Không quá 5.000.000	Không quá 3.500.000	Không quá 2.500.000
c)	- Cán bộ, công chức, người lao động của Văn phòng HĐND thành phố; cán bộ, công chức, người lao động trực tiếp	đồng/người /lần	1.000.000	700.000	500.000

	phục vụ HĐND cấp huyện, cấp xã (đương nhiệm, nghỉ hưu) khi ốm đau, chuyên công tác, nghỉ hưu được hỗ trợ.				
	- Trường hợp cán bộ, công chức, người lao động của Văn phòng HĐND thành phố; cán bộ, công chức, người lao động trực tiếp phục vụ HĐND cấp huyện, cấp xã (đương nhiệm, nghỉ hưu) khi bị bệnh hiểm nghèo, khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn thì tùy điều kiện cụ thể Thường trực HĐND cùng cấp quyết định mức hỗ trợ.	đồng/người /lần	Không quá 5.000.000	Không quá 3.500.000	Không quá 2.500.000
d)	- Đại biểu HĐND đương nhiệm có cha, mẹ ruột (kể cả của vợ hoặc chồng), vợ (chồng), con bệnh (nằm viện) được hỗ trợ.	đồng/người /lần	1.000.000	700.000	500.000
	- Đại biểu HĐND đương nhiệm có cha, mẹ ruột (kể cả của vợ hoặc chồng), vợ (chồng), con từ trần, được hỗ trợ.	đồng/người	2.000.000	1.500.000	1.000.000
đ)	Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND thành phố đi thăm đối tượng chính sách - xã hội.	đồng/người /lần	500.000 - 1.000.000		
e)	Đại biểu HĐND các cấp đương nhiệm khi từ trần thì người lo mai táng được nhận trợ cấp mai táng bằng 10 tháng lương cơ sở.				